

Bản án số: 74/2026/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
 - Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Nguyệt
 - Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Quang Nghĩa
 - Ông Nguyễn Văn Hiếu
 - *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Thiêm - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai .
 - *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên
- Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn B - sinh năm 1964 (có mặt)
Nơi cư trú: ấp S, xã X, thành phố Đ.
Số căn cước công dân: 051064014909, ngày cấp 27/8/2022
 - *Bị đơn:* Ông Trần Hoài L - sinh năm 1979 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ A, ấp X, xã X, thành phố Đ.
Số căn cước công dân: 052079003799, cấp ngày 23/8/2022

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn B trình bày:*

Ngày 12/9/2022, ông Nguyễn B cho ông Trần Hoài L vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (hạn trả vào ngày 12/9/2023), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng (4.000.000 đồng/tháng). Quá trình thực hiện hợp đồng, đến nay ông L vi phạm nghĩa vụ, chưa hoàn trả tiền gốc và mới chỉ thanh toán được một phần tiền lãi.

Về việc đối chiếu và khấu trừ nghĩa vụ tài sản, ông B xác nhận tổng số tiền nhận được từ tài khoản của ông L chuyển khoản qua ngân hàng là 100.130.000 đồng. Tuy nhiên, trong thời gian này, ông B cũng chuyển khoản

cho ông L mượn tạm ngoài hợp đồng vay gốc với tổng số tiền là 25.500.000 đồng. Sau khi đối trừ, ông B tính khoản mượn tạm 25.500.000 đồng này đã tất toán xong, số tiền còn lại là 74.630.000 đồng (100.130.000 đồng - 25.500.000 đồng) được tính vào tiền lãi vay gốc. Ngoài ra, ông B xác nhận ông L đã trả thêm cho ông 06 lần bằng tiền mặt, mỗi lần 4.000.000 đồng, tổng cộng là 24.000.000 đồng tiền mặt. Tổng số tiền lãi thực tế ông B xác nhận đã nhận là: 74.630.000 đồng (chuyển khoản) + 24.000.000 đồng (tiền mặt) = 98.630.000 đồng.

Về tiền lãi phát sinh, ông B tính thời gian từ ngày 12/9/2022 đến ngày 04/6/2026 (làm tròn là 03 năm 09 tháng = 3,75 năm). Để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, ông B tự nguyện điều chỉnh giảm mức lãi suất thỏa thuận xuống áp dụng mức lãi suất trần luật định tối đa là 20%/năm, tổng tiền lãi phát sinh là 150.000.000 đồng (200.000.000 đồng x 20%/năm x 3,75 năm). Sau khi khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 98.630.000 đồng, ông L còn nợ lại khoản tiền lãi là 51.370.000 đồng.

Nay, ông Nguyễn B yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Hoài L thanh toán khoản nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi còn thiếu là 51.370.000 đồng, tổng cộng là 251.370.000 đồng và phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 05/6/2026 cho đến khi thi hành án xong.

** Bị đơn ông Trần Hoài L trình bày:*

Ông L hoàn toàn thừa nhận nội dung quan hệ vay tài sản về khoản tiền gốc 200.000.000 đồng, thời hạn vay và lãi suất thỏa thuận ban đầu như ông B đã trình bày. Ông L xác nhận đến nay chưa trả nợ gốc do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn kinh tế.

Về việc thanh toán tiền lãi và đối trừ các giao dịch chuyển khoản phát sinh, ông L thống nhất tổng số tiền đã chuyển khoản cho ông B là 100.130.000 đồng và trả tiền mặt là 24.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với số tiền 25.500.000 đồng nhận chuyển khoản từ ông B ngoài khoản vay gốc, ông L trình bày: Khoản tiền 10.000.000 đồng nhận ngày 11/8/2022 ông đã trả bằng tiền mặt cho ông B; khoản tiền 10.000.000 đồng nhận ngày 25/11/2022 ông đã chuyển khoản hoàn trả vào ngày 04/12/2022; số tiền 5.500.000 đồng còn lại nhận vào các ngày 05, 06, 09 tháng 12 năm 2022 là khoản tiền ông B chuyển trả nợ cho ông đối với số tiền mà ông cho ông B mượn bằng tiền mặt trước đó (giao dịch này chỉ thỏa thuận miệng).

Từ đó, ông L cho rằng số tiền lãi thực tế ông đã trả cho ông B là 114.130.000 đồng (được tính bằng cách lấy tổng chuyển khoản 100.130.000 đồng trừ đi khoản 10.000.000 đồng chuyển trả ngày 04/12/2022, rồi cộng với 24.000.000 đồng tiền mặt). Khấu trừ vào tổng tiền lãi phát sinh 150.000.000 đồng, ông L xác định chỉ còn nợ lại ông B số tiền lãi là 35.870.000 đồng; tổng nợ gốc và lãi còn lại là 235.870.000 đồng. Nay ông L xin ông B giảm một phần tiền lãi và đề xuất phương án thanh toán tổng cộng trọn gói là 220.000.000 đồng (gồm 200.000.000 đồng nợ gốc và 20.000.000 đồng nợ lãi).

Ý kiến của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Hoài L phải trả cho ông Nguyễn B số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ gốc:

Bị đơn ông Trần Hoài L hoàn toàn thừa nhận có vay của ông Nguyễn B số tiền gốc 200.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 và xác nhận hiện nay vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc này cho ông B. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Việc ông L chậm trễ hoàn trả tài sản khi hợp đồng vay đã hết hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn B1 ông Trần Hoài L thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ lãi:

Về mức lãi suất: Hợp đồng vay ngày 12/9/2022 thể hiện hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng (tương đương 24%/năm). Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất này đã vượt quá mức lãi suất tối đa mà pháp luật quy định (20%/năm). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự tự nguyện thống nhất điều chỉnh mức lãi suất tính toán về đúng mức trần tối đa pháp luật cho phép là 20%/năm để giải quyết tranh chấp. Xét thấy việc tự nguyện thỏa thuận điều chỉnh lãi suất này hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về thời gian tính lãi và tổng tiền lãi phát sinh: Thời gian tính lãi từ ngày vay 12/9/2022 tạm tính đến ngày 04/6/2026. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất số liệu làm tròn thời gian tính lãi là 03 năm 09 tháng (tương đương 3,75 năm) và cùng xác nhận tổng số tiền lãi phát sinh trong khoảng thời gian này là 150.000.000 đồng (200.000.000 đồng x 20%/năm x 3,75 năm). Đây là sự tự nguyện định đoạt và thống nhất số liệu giữa các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận tổng tiền lãi phát sinh là 150.000.000 đồng.

Xét các khoản đối trừ tiền lãi đã thanh toán giữa ông B và ông L:

Ông B và ông L đều thống nhất xác nhận ông L đã giao dịch thanh toán cho ông B tổng cộng 124.130.000 đồng, trong đó bao gồm 100.130.000 đồng qua chuyển khoản ngân hàng và 24.000.000 đồng bằng tiền mặt. Tranh chấp

nằm ở khoản tiền 25.500.000 đồng mà ông B đã chuyển khoản cho ông L trong thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022.

Ông B trình bày đây là khoản tiền ông cho ông L mượn tạm phát sinh riêng biệt ngoài hợp đồng vay gốc, do đó phải lấy tổng số tiền nhận được 124.130.000 đồng khấu trừ đi khoản mượn tạm 25.500.000 đồng này, số tiền còn lại thực tế thanh toán cho nợ lãi vay gốc là 98.630.000 đồng.

Ông L phản bác, cho rằng trong số tiền 25.500.000 đồng nhận từ ông B có 10.000.000 đồng ông đã trả bằng tiền mặt, 10.000.000 đồng ông đã chuyển khoản trả vào ngày 04/12/2022, còn 5.500.000 đồng là tiền ông B trả nợ cũ cho ông; do đó chỉ đồng ý lấy tổng số tiền 124.130.000 đồng khấu trừ đi khoản tiền mượn tạm 10.000.000 đồng (chuyển khoản ngày 04/12/2022), xác định tiền thực tế thanh toán cho nợ lãi là 114.130.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản bác nghĩa vụ của mình là có căn cứ. Việc ông L khẳng định đã hoàn trả bằng tiền mặt khoản 10.000.000 đồng và tự cân trừ tiền nợ cũ số tiền 5.500.000 đồng cho ông B là các tình tiết phản bác nhằm giảm trừ nghĩa vụ dân sự. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tranh tụng công khai tại phiên tòa, ông L hoàn toàn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ hay biên nhận hợp pháp nào để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, lời trình bày phản bác của bị đơn ông L không có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn ông B, xác định toàn bộ số tiền 25.500.000 đồng ông B chuyển khoản cho ông L là khoản vay mượn phát sinh riêng biệt. Cần khấu trừ khoản này vào tổng số tiền ông B đã nhận để xác định nghĩa vụ thanh toán lãi vay thực tế. Từ đó, số tiền lãi thực tế ông L đã trả cho ông B là: 124.130.000 đồng - 25.500.000 đồng = 98.630.000 đồng. Nợ lãi còn lại ông L có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông B là: 150.000.000 đồng - 98.630.000 đồng = 51.370.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B về khoản tiền lãi 51.370.000 đồng là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ. Tổng số tiền nợ ông Trần Hoài L có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn B là 200.000.000 đồng nợ gốc và 51.370.000 đồng nợ lãi tạm tính đến ngày 04/6/2026.

[3] Về án phí:

Ông L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông B, số tiền án phí phải nộp là 12.568.500 đồng (251.370.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Bình .

Buộc ông Trần Hoài L phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Nguyễn B tổng số tiền nợ là 251.370.000 đồng (*Hai trăm năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trong đó, bao gồm: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tiền nợ gốc và 51.370.000 đồng (*Năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền nợ lãi.

Kể từ ngày 05/6/2026 cho đến khi thi hành án xong, thì ông Trần Hoài L phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) với mức lãi suất 20%/năm và trả lãi đối với số tiền nợ lãi 51.370.000 đồng (*năm mươi một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*) với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Ông Trần Hoài L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền là 12.568.500 đồng (*mười hai triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 6 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nguyệt